

Bản số: 39 /2019/DS - ST

Ngày: 28/08/2019

**V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Bà Nguyễn Thị Kim T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Ông Nguyễn Đức Chiến

Trong các ngày, từ ngày 23 đến ngày 28 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 136/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐST-DS, ngày 02 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 12, phường Chùa Hang, TP. TH, tỉnh TH

Người được theo ủy quyền: Ông Vũ Vinh Quang , sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đá Dựng, xã Phúc Trìu, TP TH, tỉnh TH

*** Bị đơn:** Chị Phan Thị Thúy H, sinh năm 1985(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, thành phố TH, tỉnh TH

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Văn H , sinh năm 1964 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Phố Giang Sơn, Thị Trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh TH

Tạm trú: Xóm 1-5 xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

2. Lê Thị T, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

HKTT: Phố Giang Sơn, Thị Trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh TH

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và chị Phan Thị Thúy H có mối quan hệ quen biết nhau từ trước, ngày 16/11/2012, chị H cùng mẹ đẻ là Lê Thị T có đến nhà bà, chị H đề cập vay số tiền 56.000.000 đồng(Năm mươi sáu triệu đồng) để đáo nợ Ngân hàng, bà đồng ý cho vay và đề nghị chị H viết giấy vay tiền cho bà ngày 16/11/2012, nội dung vay số tiền 56.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng. Thời hạn trả 16/12/2012. Để đảm bảo cho khoản nợ trên của chị H bà Lê Thị T có thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận QSD đất số BL 607536 do UBND huyện Phú Lương cấp ngày 07/9/2012 mang tên ông Phan Văn H , bà Lê Thị T. Thỏa Tận nên đến hạn không thanh toán khoản tiền trên thì ông H, bà T sẽ làm thủ tục chuyển nhượng QSD sang tên cho bà để trừ nợ. Đến hạn chị H không thanh toán khoản tiền vay trên cho bà. Ngày 16/5/2013 chị H tiếp tục đến nhà bà vay thêm khoản tiền 30.000.000 đồng(Ba mươi triệu đồng), bà đồng ý cho vay, khoản tiền này không xác định thời hạn trả. Ngày 14/01/2014 chị H tiếp tục vay của bà thêm 61.900.000 đồng(Sáu mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng) hẹn 31/01/2014 sẽ thanh toán. Tổng số tiền bà đã cho chị H vay ba lần là: 147.900.000 đồng(Một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng). Tuy nhiên đến hạn thanh toán chị H không trả cho bà bất cứ khoản tiền nào, mặc dù bà đã nhắc nhở, đốc thúc nhiều lần, nhưng chị H vẫn khất nản, trốn tránh không trả cho bà khoản tiền trên. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ khoản nợ gốc 147.900.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Vinh Quang đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, buộc chị Phan Thị Thúy H phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền gốc 147.900.000 đồng và khoản tiền lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn chị Phan Thị Thúy H trình bày: Chị xác nhận có việc chị đến nhà bà Nguyễn thị C để vay tiền. Ngày 16/11/2012, chị vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng(Năm mươi triệu đồng), cộng với 6.000.000đ(Sáu triệu đồng) là tiền tính lãi. Tổng cộng chị viết giấy là 56.000.000 đồng. Đến ngày 16/5/2013

chị chưa thanh toán được khoản tiền trên nên bà C đã yêu cầu chị phải cộng thêm 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) tiền lãi. Đến ngày 14/01/2014 bà C lại yêu cầu chị viết thêm 01 giấy vay nợ là: 61.900.000đ(Sáu mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng) và chị hẹn đến 31/01/2014 sẽ thanh toán cả tiền lãi và gốc cho bà C. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn, thời điểm đó chị không có công ăn việc làm, con còn nhỏ, chồng chị anh Ngô Xuân Tuyên bị đi chấp hành án 10 năm(thời điểm hiện tại đã chết do bệnh tật) nên không trả được khoản tiền gốc và lãi trên cho bà C. Bà C làm đơn khởi kiện chị, chị xác nhận có việc chị vay tiền của bà C số tiền 50.000.000 đồng là đúng, chị nhất trí trả bà C khoản tiền này, còn khoản tiền 61.900.000 đồng và 30.000.000 đồng chị không nhất trí trả là do bà C tính tiền lãi trên số tiền 50.000.000 đồng không phải là tiền chị vay thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Văn H trình bày: Ông là bố đẻ của chị Phan Thị Thúy H, việc vợ ông là bà Lê Thị T cùng chị H con gái ông có mang giấy CNQSD đất đi cầm cố và vay số tiền 50.000.000 đồng(năm mươi triệu đồng) nhưng ông không hề biết vợ ông và chị H vay ở đâu, đến lúc bà Nguyễn Thị C là người cho vay báo cho ông, ông mới biết và bà T mới nói thật đã mang giấy CNQSD đất mang tên ông và bà T đi cầm cố vay khoản tiền trên. Khi bà C khởi kiện ra toà án nhân dân huyện Phú Lương ông mới biết số tiền chị H vay là 50.000.000đồng, nhưng bà C yêu cầu trả 147.900.000 đồng. Ông xác định ông không liên quan gì đến khoản nợ trên, chị H vay thì phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà C. Về giấy chứng nhận QSD đất bà T và chị H tự ý mang đi thế chấp cho bà C để được vay khoản tiền trên, ông đề nghị khi nào chị H trả được khoản nợ trên cho bà C thì vợ chồng ông được lấy về.

Tại đơn trình bày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Phan Thị Thúy H, chị H có vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, để vay được khoản tiền trên phải có giấy tờ để thế chấp thì bà C mới cho vay, nên bà đã giấu chồng bà là ông Phan Văn H mang giấy CNQSD đất số số BL 607536 do UBND huyện Phú Lương cấp ngày 07/9/2012 mang tên ông Phan Văn H, bà Lê Thị T để cho chị H vay được khoản tiền trên, bà phải viết thỏa Tận nếu không trả được khoản tiền trên thì phải làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất của vợ chồng bà sang tên cho bà C. Về thực tế bà không được sử dụng số tiền vay trên, mà chị H con gái bà vay để sử dụng vào việc riêng. Sau đó bà C tự tính lãi và bắt chị H tự viết vào giấy vay thêm 30.000.000 đồng. Do điều kiện chị H hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng trả ngày được khoản tiền trên đã xin khất nhưng chị C không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án xét xét giải quyết và xác nhận có

chứng kiến việc chị H nhận từ tay bà C khoản tiền 50.000.000 đồng. Do bà đang đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài nên không thể có mặt tham gia tố tụng tại Tòa án. Bà đề nghị được giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Phan Văn H là chồng bà thay bà tham gia tố tụng tại Tòa án. Về giấy chứng nhận QSD đất bà đã thế chấp cho bà C để cho chị H vay tiền thì khi nào chị H trả được hết tiền nợ cho bà C vợ chồng bà có trách nhiệm lấy về.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, bà C, chị H, ông H có mặt trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà T đều vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, do vậy không tiến hành hòa giải được với các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn chị Phan Thị Thúy H đã được triệu tập nhiều lần đều vắng mặt. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ và xác minh về sự vắng mặt đối với chị H, bà T, ông H. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các thủ tục khác đối với chị H, bà T, ông H. Do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Bị đơn chị Phan Thị Thúy H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, ông Phan Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị Thúy H, ông Phan Văn H và bà Lê Thị T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với đề nghị của bị đơn về việc khoản tiền vay gốc 50.000.000 đồng Yêu cầu buộc chị Phan Thị Thúy H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 147.000.000 đồng. Yêu cầu chị H phải trả tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đối quy định pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 147.000.000 đồng.

Về khoản tiền lãi: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật đối với khoản tiền vay ngày 16/11/2012 là 56.000.000 đồng và khoản tiền vay ngày 14/01/2014 là 61.900.000 đồng kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đến thời điểm xét xử. Đối với khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 16/5/2013 do các bên không ấn định thời hạn trả nên bị đơn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả kể từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” do Tòa án nhân dân huyện Phú Lương thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Thực hiện Nghị quyết số 422/NQ-UBTVQH14 ngày 18/8/2017 về việc điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính thành phố TH, do vậy xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, , nay Tộc địa phận thành phố TH. Tòa án nhân dân huyện Phú lương đã chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân thành phố TH để thụ lý, giải quyết vụ án theo thẩm quyền. Căn cứ Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

Bị đơn chị Phan Thị Thúy H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Ông Phan Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị Thúy H, ông Phan Văn H và bà Lê Thị T.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy:

Tại giấy vay tiền ngày 16/11/2012 thể hiện nội dung vay số tiền 56.000.000 đồng, thời hạn trả 16/12/2012 đảm bảo cho khoản vay, bên vay thế chấp 01 giấy chứng nhận QSD đất số BL 607536 do UBND huyện Phú Lương cấp ngày 07/9/2012 mang tên ông Phan Văn H , bà Lê Thị T. Đến hạn thanh toán, chị H không trả được cho bà C khoản tiền trên. Ngày 16/5/2013 chị H tiếp tục ký nhận vay thêm của bà C khoản tiền 30.000.000 đồng viết cùng vào giấy vay tiền ngày 16/11/2012, không ấn định thời hạn thanh toán. Ngày 14/01/2014 chị H tiếp tục viết 01 giấy vay số tiền 61.900.000 đồng hẹn thời hạn thanh toán 30/01/2014. Giấy

vay tiền ngày 16/11/2012 và ngày 14/01/2014 có thể hiện chữ ký của bên cho vay và bên vay, phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị đơn thừa nhận khoản tiền vay 50.000.000 đồng là tiền gốc ngày 16/11/2012, thừa nhận có viết giấy vay và ký nhận khoản tiền 30.000.000 đồng ngày 16/5/2013 và khoản tiền 61.900.000 đồng nhưng không thừa nhận được cầm 02 khoản tiền trên với lý do đây là 02 khoản tiền trong quá trình vay nguyên đơn đã tính tiền lãi trên số tiền 56.000.000 đồng(gốc 50.000.000 và lãi 6.000.000đồng) đã vay ngày 16/11/2012. Xét đề nghị của bị đơn về việc không nhất trí trả số tiền 30.000.000đồng ngày 16/5/2013 và 61.900.000 đồng ngày 14/01/2014 là không có căn cứ để chấp nhận, bị đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh đây là 02 khoản tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Chữ ký và chữ viết của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận, trong giấy vay tiền không thể hiện có thỏa Tân về lãi suất đối với 02 khoản tiền trên. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc trên ba khoản vay ngày 16/11/2012, 16/5/2013 và 14/01/2014, tổng số tiền là 147.900.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ.

[3]. Về khoản tiền lãi : Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định pháp luật đối với khoản tiền trên kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến thời điểm xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

* Về khoản tiền vay 56.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 16/11/2012, đến thời hạn thanh toán theo thỏa Tân là 1 tháng(16/12/2012) bị đơn không trả được khoản tiền trên. Về khoản tiền vay 61.900.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 14/01/2014, thời hạn thanh toán là 30/01/2014. Đối với 02 khoản tiền trên không ấn định lãi suất. Trong suốt quá trình vay bị đơn không thanh toán được bất kỳ khoản tiền nào theo hạn ấn định trong giấy vay tiền ngày 16/11/2012 và ngày 14/11/2014. Như vậy khi đến hạn trả nợ bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo thỏa Tân. Theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 “ *Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ...thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa Tân*”.

Để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn đối với khoản tiền vay không có lãi, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ ấn định đối với từng khoản nợ vay. Căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công văn số 244/TANDTC –

KHXX ngày 05/11/2012 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 0,75%/tháng, tương đương 9,00%/ năm. Cụ thể như sau:

+ Khoản vay ngày 16/12/2012: Tính từ ngày 27/12/2012 đến ngày 28/8/2019 là:

$56.000.000đ \times 0,75\% \times 80 \text{ tháng} = 33.600.000 \text{ đồng}$

$56.000.000 \text{ đ} \times (0,75\% : 30 \text{ ngày}) \times 11 \text{ ngày} = 154.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng: **33.754.000 đồng**

+ Khoản vay ngày 14/01/2014: Tính từ ngày 30/01/2014 đến ngày 28/8/2019 là :

$61.900.000đ \times 0,75\% \times 67 \text{ tháng} = 31.104.750 \text{ đồng}$

$61.900.000 \text{ đ} \times (0,75\% : 30 \text{ ngày}) \times 28 \text{ ngày} = 433.300 \text{ đồng}$

Tổng cộng: **31.538.050 đồng**

* Tổng tiền lãi của 02 khoản tiền trên đến ngày xét xử 28/08/2019 bị đơn phải chịu là: **65.292.050 đồng**

* Về khoản tiền vay ngày 16/5/2013 số tiền 30.000.000 đồng, do các bên không ấn định thời hạn trả nên không xác định được thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, nguyên đơn nhất trí tính lãi suất đối với khoản tiền trên kể từ thời điểm thụ lý vụ án ngày 11/05/2016 cho đến thời điểm xét xử vụ án ngày 28/8/2019 . Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất chậm trả cho chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cụ thể như sau:

$30.000.000đ \times 0,75\% \times 39 \text{ tháng} = 8.775.000 \text{ đồng}$

$30.000.000đ \times (0,75\% : 30 \text{ ngày}) \times 17 \text{ ngày} = 127.500 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi đối với khoản tiền 30.000.000 đồng là : **8.902.500 đồng**

* Tổng tiền lãi của 03 khoản tiền vay là: **74.194.550 đồng**

* Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $147.900.000đ + 74.194.550 \text{ đồng} = \mathbf{222.094.550 \text{ đồng}}$ (Hai trăm hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 269; điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;
- Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị Phan Thị Thúy H

Buộc chị Phan Thị Thúy H phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị C số tiền gốc 147.900.000 đ(Một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng)

Buộc chị Phan Thị Thúy H phải có trách nhiệm trả khoản tiền lãi đối với khoản tiền gốc tính đến ngày xét xử 28/8/2019 là: 74.190.550 đồng

Chị Phan Thị Thúy H phải trả khoản tiền vay tính đến ngày xét xử 28/8/2019 là:

Tiền nợ gốc 147.900.000đ + tiền lãi chậm trả 74.190.550 đồng = **222.094.550 đồng**(Hai trăm hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bà Nguyễn Thị C phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BL 607536 do UBND huyện Phú Lương cấp ngày 07/9/2012 mang tên ông Phan Văn H , bà Lê Thị T cho ông Phan Văn H và bà Lê Thị T quản lý sử dụng sau khi bị đơn Phan Thị Thúy H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

4 Án phí: Chị Phan Thị Thúy H phải chịu 11.104.727 đồng (Mười một triệu một trăm linh bốn nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền 3.700.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH theo biên lai số 0004367 ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư